

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2025/DS-ST
Ngày 11-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Sơn

Ông Nguyễn Minh Trọn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Bảo Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2024/TLST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Đô L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

2. Ông Nguyễn Văn D (vắng mặt)

3. Bà Hồng Thị N (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

Nơi ở hiện nay: Khóm 8, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2024 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Cẩm T trình bày:

Năm 2016, đại lý thức ăn thủy sản Phương T có bán thuốc, thức ăn vật tư nuôi trồng thủy sản cho ông Nguyễn Đô L, bà Hồng Thị N, ông Nguyễn Văn D, đến ngày 22/5/2018 chốt công nợ còn nợ lại 176.226.000 đồng, ông L đại diện ký công nợ, cam kết thanh toán sau 03 tháng, từ tháng 5 năm 2018 đến nay bà N, ông D và ông L chỉ thanh toán nợ 3 lần: Lần 01 vào ngày 05/9/2020 âm lịch là 10.000.000 đồng, lần 02 vào ngày 22/01/2022 âm lịch trả 10.000.000 đồng, lần 03 ngày 10/4/2022 âm lịch trả 20.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng, đều do bà N trả và ký tên. Đối trừ số tiền đã trả, bà N, ông D và ông L còn nợ 136.226.000 đồng. Bà N và ông D hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả số nợ còn lại, ông L cho rằng ông L chỉ đứng nuôi và nhận nợ thay, khoản nợ trên là của bà N và ông D. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà N và ông D liên đới nghĩa vụ trả cho bà 136.226.000 đồng tiền nợ.

Do bị đơn cam kết thanh toán nợ sau 03 tháng kể từ ngày 22/5/2018 nhưng bị đơn không thanh toán sau 03 tháng Nn bà yêu cầu tính lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ 176.226.000 đồng kể từ ngày 22/8/2018 đến ngày 05/9/2020 âm lịch (tức ngày 21/10/2020 dương lịch) là 02 năm 01 tháng 29 ngày x 176.226.000 đồng x 10%/năm = 38.093.599 đồng.

Đến ngày 10/4/2022 âm lịch bà N trả tổng số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 136.226.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 10/4/2022 âm lịch (tức ngày 10/5/2020 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 11/6/2025 là 03 năm 01 tháng 01 ngày x 136.226.000 x 10%/năm = 42.039.581 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 216.359.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông L, bà N và ông D trả tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/6/2025 là 216.359.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2025, bà Hồng Thị N trình bày: Bà thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của bà Nguyễn Cẩm T, bà và ông D có mua thuốc và thức ăn thủy sản còn nợ bà T số tiền 176.226.000 đồng, ông L chỉ mua hàng dùm vợ chồng bà và ký nhận nợ ngày 22/5/2018. Đã qua bà có trả 40.000.000 đồng cho bà T còn nợ lại 136.226.000 đồng. Nay bà và ông D, ông L đồng ý liên đới nghĩa vụ trả cho bà T 136.226.000 đồng tiền nợ. Do hiện tại bà rất khó khăn về kinh tế, nợ rất nhiều, tài sản đã bán hết để trả nợ, vợ chồng bà hiện bị bệnh không có khả năng lao động, Nn xin bà T giảm bớt tiền lãi cho bà. Bà cam kết sẽ trả hết khoản tiền nợ trên trong hạn 01 tháng sau khi đã nhận được tiền Nhà nước bồi thường tiền đất thu hồi.

Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đô L đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Cẩm T khởi kiện bà Hồng Thị N, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đô L yêu cầu trả số tiền nợ mua thuốc, thức ăn thủy sản Nn đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Hồng Thị N, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đô L cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau Nn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đô L được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Cẩm T khởi kiện yêu cầu bà Hồng Thị N, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Đô L trả tiền nợ mua thức ăn, thuốc thủy sản là 136.226.000 đồng, tiền lãi 80.133.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà T cung cấp “Bản xác nhận công nợ” ngày 22 tháng 5 năm 2018 có ông Nguyễn Đô L ký tên, thỏa thuận thanh toán thời hạn 03 tháng, phía sau bản xác nhận công nợ có ghi thời gian trả nợ 03 lần là 40.000.000 đồng có bà Hồng Thị N ký xác nhận. Tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2025 của Tòa án, bà Hồng Thị N thừa nhận bà và ông D có nợ bà T 136.226.000 đồng, bà N đồng ý trả số nợ trên nhưng xin bà T giảm bớt phần tiền lãi do bà không có khả năng trả lãi. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hồng Thị N trả cho bà Nguyễn Cẩm T 136.226.000 đồng tiền nợ.

[3.1] Theo Bản xác nhận công nợ ngày 22/5/2018, có thỏa thuận thời gian thanh toán là 03 tháng, như vậy đến ngày 22/8/2018 bà N không trả tiền nợ cho bà T là đã không thực hiện đúng thỏa thuận, tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định : *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Như vậy, bà N phải chịu tiền lãi chậm trả là 10%/năm đối với số tiền nợ 176.226.000 đồng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 22/8/2018 đến ngày 05/9/2020 âm lịch (tức ngày 21/10/2020 dương lịch) là 02 năm 01 tháng 29 ngày x 176.226.000 đồng x 10%/năm = 38.093.599 đồng. Đến ngày 10/4/2022 âm lịch bà N trả 40.000.000 đồng, đối trừ tiền gốc, bà N còn nợ 136.226.000 đồng. Từ ngày 10/4/2022 âm lịch (tức ngày 10/5/2020 dương lịch) đến ngày xét xử 11/6/2025 là 03 năm 01 tháng 01 ngày x 136.226.000 x 10%/năm = 42.039.581 đồng, tổng cộng tiền lãi tính đến ngày 11/6/2025 là 80.133.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 216.359.000 đồng.

[3.2] Ông Nguyễn Đô L ký bản xác nhận công nợ ngày 22/5/2018 xác nhận còn nợ bà Nguyễn Cẩm T 176.226.000 đồng. Ông Nguyễn Văn D là chồng của bà Hồng Thị N, việc nợ tiền thức ăn thủy sản là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, Nn buộc ông L và ông D liên đới nghĩa vụ cùng bà Hồng Thị N trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn là 216.359.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận Nn nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Đô L, ông Nguyễn Văn D và bà Hồng Thị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm T. Buộc ông Nguyễn Đô L, ông Nguyễn Văn D và bà Hồng Thị N liên đới nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Cẩm T số tiền nợ gốc và lãi là 216.359.000 đồng (hai trăm mười sáu triệu ba trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Nguyễn Đô L, ông Nguyễn Văn D và bà Hồng Thị N phải chịu 10.817.000 (mười triệu tám trăm mười bảy nghìn) đồng. Bà Nguyễn Cẩm T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 3.406.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003630 ngày 10/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CCTHADS huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn